

Thạch Thắt, ngày 19 tháng 5 năm 2022

Số: 35/2022/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, mục 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 14/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam; Địa chỉ trụ sở: 191 phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. **Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng:** Ông Hồ Hùng Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị. **Người đại diện theo ủy quyền:** Bà Phạm Thị Nhị - Giám đốc xử lý nợ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Quyết định ủy quyền số 1218/2017/QĐ-HĐQT ngày 27-9-2017). **Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án:** Ông Phan Xuân Hùng - Cán bộ xử lý nợ (Giấy ủy quyền số 983-03//2021/UQ-TCB ngày 02-11-2021).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Chu Văn Q, sinh năm 1977; **Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:** Bà Đỗ Thị Q1, sinh năm 1983 (vợ ông Quân, theo giấy ủy quyền ngày 10-3-2022).

2.2. Bà Đỗ Thị Q1, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn Vĩnh Lộc 2 (thôn 3 cũ), xã PX, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cụ Chu Văn N, sinh năm 1954 (*bố ông Quân*). **Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:** Bà Đỗ Thị Q1, sinh năm 1983 (*Giấy ủy quyền ngày 10-3-2022*).

3.2. Cụ Đỗ Thị M, sinh năm 1957 (*mẹ ông Quân*). **Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:** Bà Đỗ Thị Q1, sinh năm 1983 (*Giấy ủy quyền ngày 10-3-2022*).

3.3. Anh Chu Văn T, sinh năm 2004 (*con ông Quân, bà Quý*). **Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:** Bà Đỗ Thị Q1, sinh năm 1983 (*Giấy ủy quyền ngày 10-3-2022*).

3.4. Anh Chu Văn Đ, sinh năm 2006 (*con ông Quân, bà Quý*). **Người đại diện hợp pháp:** Bà Đỗ Thị Q1, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn Vĩnh Lộc 2 (thôn 3 cũ), xã PX, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ theo thỏa thuận tín dụng:

Ông Chu Văn Q, bà Đỗ Thị Q1 xác nhận và nhất trí thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam số tiền còn nợ tính đến ngày 10-05-2022 theo các thỏa thuận tín dụng sau:

1.1. Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 39491/HĐTD/TH-TN/TCB TTB ngày 08-12-2010; Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 39491 ngày 08-12-2010; Phụ lục số 01 lịch trả nợ ngày 08-12-2010 tổng số tiền nợ là **3.842.519.057 đồng**; trong đó nợ gốc: 1.366.672.000 đồng, nợ lãi trong hạn trên nợ gốc: 1.318.383.784 đồng và nợ lãi quá hạn trên nợ gốc: 1.157.463.273 đồng.

1.2. Thẻ tín dụng quốc tế không sử dụng tài sản bảo đảm ngày 16-03-2012 tổng số tiền nợ là **95.539.911 đồng**; trong đó nợ gốc (*giao dịch thanh toán; rút tiền còn phải thanh toán*): 19.839.517 đồng, nợ lãi trong hạn trên nợ gốc thẻ phát sinh từ ngày 27-3-2012 đến 30-12-2013: 10.587.578 đồng, lãi quá hạn trên nợ gốc thẻ chưa thanh toán phát sinh từ ngày 30-12-2013 đến 10-05-2022: 65.112.816 đồng (*tiền lãi thẻ tín dụng được tính theo quyết định về lãi suất thẻ tín dụng của Ngân hàng*).

1.3. Bên vay tín dụng là ông Chu Văn Q, bà Đỗ Thị Q1 phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký kết, lãi suất thẻ tín dụng theo Quyết

định của Ngân hàng kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm:

2.1. Trường hợp ông Chu Văn Q, bà Đỗ Thị Q1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và thỏa thuận thế tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 191, tờ bản đồ số 05, diện tích 128m², địa chỉ tại xã PX, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội (*được UBND huyện Thạch Thất cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 409416 ngày 4-7-2002 cho hộ ông Chu Văn N. Ngày 30-11-2010, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thạch Thất đính chính sang tên ông Chu Văn N*) theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ký kết ngày 06-12-2010 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và bên thế chấp là ông Chu Văn N, bà Đỗ Thị M. Hợp đồng thế chấp được công chứng theo số công chứng: 6089.2010/HĐTC-TCB ngày 06-12-2010 do Công chứng viên Văn phòng công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội thực hiện tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam; đăng ký thế chấp ngày 07-12-2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thạch Thất.

2.2. Phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản thế chấp theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ký kết ngày 06-12-2010 là nghĩa vụ trả nợ số tiền 1.500.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh (*theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 39491/HĐTD/TH-TN/TCB TTB ngày 08-12-2010, khế ước nhận và cam kết trả nợ số 39491 ngày 08-12-2010*) trên số tiền đảm bảo cho nợ gốc **1.500.000.000 đồng**. Bên có tài sản thế chấp là cụ Chu Văn N, cụ Đỗ Thị M (*do bà Quý là đại diện theo ủy quyền*) nhất trí thỏa thuận về phạm vi bảo đảm bằng tài sản thế chấp trên bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc (*giao dịch thanh toán; rút tiền còn phải thanh toán*) **20.000.000 đồng** và tiền lãi phát sinh theo quyết định về lãi suất thế tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam.

2.3. Trường hợp ông Chu Văn Q, bà Đỗ Thị Q1 hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam theo phạm vi bảo đảm các bên đã thỏa thuận trên (mục 2.2) thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam phải trả các giấy tờ (bản chính) liên quan đến tài sản

thể chấp để làm thủ tục giải chấp tài sản bảo đảm cho bên có tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

2.4. Trường hợp đã phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ mà giá trị tài sản bảo đảm không đủ trả các khoản nợ thì ông Chu Văn Q, bà Đỗ Thị Q1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam cho đến khi thanh toán xong khoản nợ tín dụng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

3.1. Ông Chu Văn Q, bà Đỗ Thị Q1 nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp hòa giải thành (*50% tiền án phí phải nộp*) với số tiền là 55.380.000 đồng.

3.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.800.000 đồng (*Theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0025312 ngày 07-3-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội*).

3.3. Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (*đã được thanh toán xong*).

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất (02 bản);
- Chi cục THADS H.Thạch Thất;
- Các đương sự;
- Lưu HSVADS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Trường